

Mỏ Cày Nam, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Số: 106/2020/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020, về việc “*Ly hôn*” giữa:

- **Nguyên đơn:** **Chị Phạm Thị N**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Thanh E**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thanh E.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Không có nên không yêu cầu giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị N và anh Thanh E khai không có nên không giải quyết.

- **Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đồng chị Phạm Thị N tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Phạm Thị N đã nộp theo biên lai thu số 0010380 ngày 22 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, còn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) hoàn trả cho chị Phạm Thị N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- UBND xã Thành Thới A (1b);
- VKSND huyện MCN(1b);
- Chi cục THADS H.MCN(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre(1b);
- Lưu HS, VP (4b). TC:10b.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm